TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;

2. Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1971;

Cư trú tại: Tổ 2, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1968;

Cư trú tại: Tổ 2, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh M tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2013, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường hay cự cãi nhau. Chị và anh M sống ly thân từ tháng 9 năm 2020, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M;

- Về con chung: Chị và anh M có một con chung là cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 01/6/2014, nay chị đồng ý để anh M trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị Q quá trình chung sống vợ chồng không đăng ký kết hôn. Nay chị Q yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, thương con;

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Q về con chung, nay ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 01/6/2014, anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh M không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Q, bị đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhận: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 01/6/2014 cho anh M nuôi dưỡng, ghi nhận anh M không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 28/10/2020 chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q, anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M chung sống như vợ chồng từ năm 2013 đến nay có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn nên việc chung sống giữa chị Q, anh M không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M.

[3] Về con chung: Chị Q, anh M có một con chung là cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 01/6/2014. Xét thấy hiện nay cháu T đang sống với chị Q, anh M. Anh M yêu cầu nuôi dưỡng con chung, chị Q đồng ý để anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Xét việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con giữa chị Q, anh M là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần giao anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng anh M không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 01/6/2014. Ghi nhận anh Nguyễn Văn M không yêu cầu chị Nguyễn Thị Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Nguyễn Văn M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Nguyễn Thị Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004532 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(L).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Na